

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2020/DSST**

Ngày: 25/9/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Lan Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Vũ quyền Lương**

Ông Lôi Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Trần Nhân** – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B: **Bà Trần Thị Thủy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 562/2020/TLST - DS ngày 17/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: B4, tổ 29B, KP.3, phường B, TP. B, tỉnh Đ

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích V**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 12B, khu phố 2, phường A, TP. B, tỉnh Đ.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, bà V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T bày:

Vào ngày 12/9/2019, bà Nguyễn Thị Bích V có vay của bà số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Khi vay có lập Giấy vay tiền, thỏa thuận trả lãi 02%/tháng nhưng không ghi trong giấy vay, bà V hẹn đến 04 tháng sau sẽ trả số tiền gốc cho bà.

Tuy nhiên tới nay bà V vẫn chưa trả được gốc và lãi cho bà vì vậy nay bà làm đơn khởi kiện đề nghị buộc bà V phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 400.000.000đ và do bà V đang gặp khó khăn nên bà chỉ yêu cầu trả lãi 01%/tháng

kể từ ngày 12/9/2019 cho đến ngày xét xử (tạm tính đến ngày 12/9/2020) là 12 tháng với số tiền 48.000.000đ, tổng cộng là 448.000.000đ.

Số tiền bà cho bà V vay là tiền của cá nhân bà, không phải là tiền chung của vợ chồng.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Bị đơn - bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Vào tháng 5/2017, bà có vay có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Khi vay có lập Giấy vay tiền, thỏa thuận trả lãi 04%/tháng nhưng không ghi trong giấy vay. Hàng tháng, bà đều trả lãi đầy đủ cho bà T. Sau đó đến tháng 7/2019 do gặp khó khăn nên bà không trả lãi được nữa. Đến ngày 12/9/2019, bà T yêu cầu bà ký xác nhận lại số nợ 400.000.000đ nên bà đã ký Giấy vay tiền.

Nay bà T khởi kiện đề nghị buộc bà phải trả cho bà số tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi 01%/tháng kể từ ngày 12/9/2019 cho đến ngày xét xử thì bà đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 400.000.000đ, còn tiền lãi bà xin không trả vì hiện nay bà đang gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân TP. B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay theo giấy mượn đã ký. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

Các bên đương sự đều thừa nhận về việc bà V vay bà T số tiền nợ gốc 400.000.000đ. Tuy nhiên, do bà V gặp khó khăn nên chưa thanh toán được số tiền này cho bà T. Nay bà T khởi kiện đề nghị buộc bà V phải trả cho bà số tiền gốc là 400.000.000đ. Xét yêu cầu trên của bà T là có cơ sở và bà V cũng đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc này cho bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Bà T cho rằng trước đây hai bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng; tại phiên tòa bà V trình bày bà trả tiền lãi cho bà T là 06%/tháng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng yêu cầu tính lại số tiền lãi bà đã trả cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà V đề nghị xin không trả lãi từ tháng 9/2019 đến nay do bà đang gặp khó khăn nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Căn cứ theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 12/9/2019 đến ngày xét xử (tạm tính đến 12/9/2020) là 12 tháng với số tiền lãi 48.000.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 400.000.000đ + 48.000.000đ = 448.000.000đ.

[3] Về án phí: Bà V phải nộp 21.920.000đ án phí DSST theo quy định. Hoàn trả cho bà T số tiền 5.320.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009748 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. B.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích V phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 448.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng); trong đó, nợ gốc là 400.000.000đ và tiền lãi từ ngày 12/9/2019 đến ngày 12/9/2020 là 48.000.000đ.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Bà V phải nộp 21.920.000đ (Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) án phí DSST theo quy định. Hoàn trả cho bà T số tiền 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009748 ngày 07/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. B.

3. Bà V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ
- VKSND TP.B
- THADS TP. B
- Đương sự
- Lưu (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Lan Hương